TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**** Bị đơn***: Ông **Đoàn Văn C**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn C.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn C thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đoàn Văn C1, sinh ngày 07/10/2007 và cháu Đoàn Văn C2, sinh ngày 08/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Đoàn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn C tự thỏa thuận chia và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này, cụ thể như sau:

2.3.1- Bà Nguyễn Thị Đ được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 488, tờ bản đồ số 40 (cũ) diện tích 6.492m^2 (trong đó gồm: 400m^2 đất ở tại nông thôn và 6.092m^2 đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CT 788222 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/12/2019 mang tên bà Nguyễn Thị Đ. (Bà Nguyễn Thị Đ đã được giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này).

- Một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 40 (cũ) diện tích 2.802,4m^2 (trong đó gồm: 150m^2 đất ở tại nông thôn và 2.652,4m^2 đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất (là phần đất thuộc vị trí B trên Họa đồ đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng) tọa lạc tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AO 705238 do UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2009 mang tên ông Đoàn Văn C - đã được đăng ký biến động sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 14/11/2019. (Bà Nguyễn Thị Đ đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này).

2.3.2- Ông Đoàn Văn C được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 40 (cũ) diện tích 6.056m^2 đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BQ 060302 do UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2013 mang tên ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ - đã được đăng ký biến động sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 14/11/2019. (Ông Đoàn Văn C đã được giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này).

- Một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 40 (cũ) diện tích 2.469,3m^2 (trong đó gồm: 150m^2 đất ở tại nông thôn và 2.319,3m^2 đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất (là phần đất thuộc vị trí A trên Họa đồ đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng) tọa lạc tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AO 705238 do UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2009 mang tên ông Đoàn Văn C - đã được đăng ký biến động sang tên cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 14/11/2019. (Bà Nguyễn Thị Đ đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này).

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định này.

2.3.3- Đối với phần đất thuộc vị trí C diện tích 351,3m^2 trên Họa đồ đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn C thỏa thuận để làm đường đi chung và không yêu cầu giải quyết.

(*Kèm theo là Họa đồ đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng*).

2.4- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ tài sản là 3.000.000đ ông Đoàn Văn C đã nộp tạm ứng và quyết toán xong. Ông Đoàn Văn C không yêu cầu giải quyết.

2.5- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007007 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí thừa.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

Nơi nhận:
- *VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND, Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã Y, huyện X, Hải Dương;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*